

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MỸ PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 839/UBND-HC

Mỹ Phước, ngày 21 tháng 4 năm 2026

V/v theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công xã;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã;
- Công an xã;
- Ban Chỉ huy Quân sự xã;
- Trạm Y tế xã;
- Các Trường trực thuộc UBND xã;
- Ban nhân dân các ấp.

Thực hiện Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 20/4/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy.

Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước triển khai Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ đến các cơ quan, đơn vị (theo chức năng, nhiệm vụ được giao) để phối hợp thực hiện. Đồng thời Giao Công an xã chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế tham mưu Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện các nội dung Công văn nêu trên.

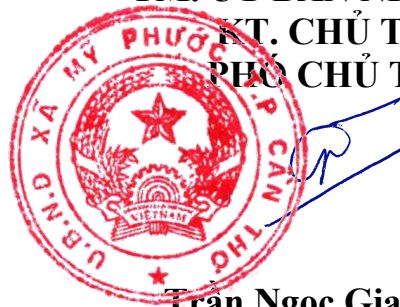
(Đính kèm Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 20/4/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; Hướng dẫn số 46/HD-BCA-C04 ngày 05/12/2025 của Bộ Công an).

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- CT và các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, VP.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Giang Nam

Số: 179 /KH-UBND

Cần Thơ, ngày 20 tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH
Công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy

Thực hiện Hướng dẫn số 46/HD-BCA-04 ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Bộ Công an về việc thực hiện công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy (viết tắt là Hướng dẫn số 46/HD-BCA-04); nhằm tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc chỉ đạo có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030. Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Kế hoạch triển khai Hướng dẫn số 46/HD-BCA-04 thực hiện các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nhằm thường xuyên và định kỳ cập nhật thông tin liên quan đến tình hình thực hiện Chương trình, phân tích, đánh giá thông tin, đề xuất các phương án phục vụ việc ra quyết định của các cấp quản lý nhằm đảm bảo Chương trình thực hiện đúng mục tiêu, đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng và trong khuôn khổ các nguồn lực đã xác định.

2. Nhằm xác định mức độ đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể so với quyết định đầu tư hoặc tiêu chuẩn đánh giá quy định của nhà nước tại một thời điểm nhất định. Đánh giá thực hiện Chương trình bao gồm đánh giá hằng năm, giữa kỳ, đánh giá kết thúc, đánh giá tác động và đánh giá đột xuất.

3. Kiểm tra việc chấp hành quy định về quản lý Chương trình của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; phát hiện kịp thời những sai sót, yếu kém về quản lý Chương trình theo quy định của pháp luật; kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý những vướng mắc, phát sinh, việc làm sai quy định về quản lý Chương trình; giám sát việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý các vấn đề đã phát hiện.

4. Theo dõi, kiểm tra kế hoạch thực hiện Chương trình (bao gồm cả kế hoạch đầu tư công nguồn vốn Chương trình), việc tổ chức quản lý và tình hình thực hiện Chương trình định kỳ bao gồm theo dõi hằng tháng, 6 tháng và theo dõi hằng năm đối với tổ chức, cá nhân được chủ đầu tư giao nhiệm vụ hoặc ký hợp đồng để triển khai thực hiện dự án, hoạt động cụ thể thuộc Chương trình; theo dõi, kiểm tra việc quản lý thực hiện Chương trình; theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, dự toán ngân sách nhà nước; theo dõi, kiểm tra năng lực tổ chức thực hiện, việc chấp hành quy định về quản lý Chương trình, quản lý đầu tư, biện pháp xử lý các vấn đề vi phạm đã được cơ quan có thẩm quyền phát hiện; theo dõi, kiểm tra việc chấp hành chế độ giám sát, đánh giá Chương trình của chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản Chương trình.

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Kế hoạch này quy định nội dung, trách nhiệm, quy trình, phương pháp thực hiện công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 (*sau đây viết tắt là Chương trình*).

2. Đối tượng áp dụng

a) Chủ Chương trình, chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản Chương trình, chủ đầu tư các dự án, tiểu dự án, hoạt động thuộc Chương trình;

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

III. THEO DÕI, KIỂM TRA CHƯƠNG TRÌNH

1. Trách nhiệm thực hiện theo dõi, kiểm tra Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Nội dung theo dõi, kiểm tra của Chủ Chương trình

a) Theo dõi, kiểm tra việc quản lý thực hiện Chương trình: xây dựng hệ thống văn bản quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình; lập kế hoạch thực hiện giai đoạn 5 năm và kế hoạch hằng năm; thực hiện và điều chỉnh kế hoạch triển khai Chương trình; truyền thông, tăng cường năng lực quản lý Chương trình, dự án thành phần.

b) Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình: tiến độ, mức độ, kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ; khối lượng thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc Chương trình.

c) Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, dự toán ngân sách nhà nước: huy động, sử dụng vốn thực hiện Chương trình, dự án thành phần; tình hình sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong thực hiện các dự án đầu tư, nội dung, hoạt động thuộc Chương trình, dự án thành phần (*giải ngân, thanh toán, quyết toán, nợ đọng vốn xây dựng cơ bản (nếu có)*).

d) Theo dõi, kiểm tra năng lực tổ chức thực hiện, việc chấp hành quy định về quản lý Chương trình, quản lý đầu tư, biện pháp xử lý các vấn đề vi phạm đã được cơ quan có thẩm quyền phát hiện (nếu có) của chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản Chương trình.

đ) Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành chế độ giám sát, đánh giá Chương trình của chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản Chương trình.

3. Nội dung theo dõi, kiểm tra của chủ dự án thành phần

a) Theo dõi, kiểm tra các nội dung về: xây dựng hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện dự án thành phần theo phân cấp: công tác truyền thông, tăng cường năng lực quản lý, thực hiện nội dung, hoạt động dự án thành phần.

b) Theo dõi, kiểm tra kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, hoạt động dự án thành phần.

c) Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư, quản lý ngân sách nhà nước, năng lực quản lý dự án thành phần, việc xử lý các vấn đề vi phạm đã được cơ quan có thẩm quyền phát hiện (nếu có) của cơ quan chủ quản Chương trình.

d) Theo dõi các nội dung về: tổng hợp tình hình thực hiện dự án thành phần; lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện dự án đầu tư; thực hiện kế hoạch vốn ngân sách nhà nước, kết quả giải ngân; khó khăn, vướng mắc phát sinh và kết quả xử lý.

4. Nội dung theo dõi, kiểm tra của cơ quan chủ quản Chương trình

a) Theo dõi, kiểm tra việc quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình theo phạm vi quản lý: xây dựng văn bản quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình; lập kế hoạch thực hiện giai đoạn 5 năm và kế hoạch hằng năm; thực hiện và điều chỉnh kế hoạch triển khai Chương trình; truyền thông, tăng cường năng lực quản lý Chương trình, dự án thành phần.

b) Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện các Chương trình thuộc phạm vi quản lý: tiến độ, mức độ, kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ; khối lượng thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc Chương trình.

c) Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, dự toán ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý: huy động, sử dụng vốn thực hiện các Chương trình; tình hình sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong thực hiện các dự án đầu tư, nội dung, hoạt động thuộc các Chương trình (*giải ngân, thanh toán, quyết toán, nợ đọng vốn xây dựng cơ bản (nếu có)*).

d) Theo dõi, kiểm tra năng lực tổ chức thực hiện, việc chấp hành quy định về quản lý Chương trình, quản lý đầu tư, biện pháp xử lý các vấn đề vi phạm đã được cơ quan có thẩm quyền phát hiện (nếu có) của chủ dự án thành phần, cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc.

đ) Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành chế độ báo cáo kết quả thực hiện các Chương trình thuộc phạm vi quản lý.

IV. ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH

1. Đánh giá Chương trình thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư công và quy định của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư.

2. Nội dung đánh giá hằng tháng

a) Đánh giá công tác quản lý Chương trình trong tháng.

b) Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng, giải ngân vốn ngân sách nhà nước.

c) Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ.

d) Tồn tại, vướng mắc phát sinh và nguyên nhân.

đ) Phương hướng, giải pháp.

3. Nội dung đánh giá 6 tháng, hằng năm

a) Đánh giá công tác quản lý Chương trình trong năm thực hiện gồm: kết quả xây dựng chính sách quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình; công tác điều phối, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện; hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, đánh giá Chương trình.

b) Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn.

c) Mức độ đạt được kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ so với kế hoạch hằng năm, giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền giao.

d) Tồn tại, vướng mắc phát sinh và nguyên nhân.

đ) Phương hướng, giải pháp thực hiện.

4. Nội dung đánh giá giữa kỳ

a) Đánh giá công tác quản lý Chương trình, gồm: kết quả xây dựng chính sách quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình; công tác điều hành, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình; hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, kiểm tra, đánh giá Chương trình, giám sát đầu tư cộng đồng; công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử.

b) Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn.

c) Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ gồm: sự phù hợp của kết quả thực hiện Chương trình so với mục tiêu của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; mức độ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình đến thời điểm đánh giá so với kế hoạch giai đoạn 5 năm.

d) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

đ) Đề xuất các giải pháp thực hiện Chương trình từ thời điểm đánh giá đến năm cuối giai đoạn 5 năm, bao gồm đề xuất điều chỉnh Chương trình (nếu có).

5. Nội dung đánh giá kết thúc và đánh giá tác động

a) Đánh giá công tác quản lý Chương trình, gồm: Kết quả xây dựng hệ thống chính sách quản lý, tổ chức thực hiện; công tác điều hành, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện; hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, kiểm tra, đánh giá Chương trình và giám sát đầu tư cộng đồng; công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử.

b) Đánh giá kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn.

c) Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của Chương trình so với mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Đánh giá tác động và hiệu quả đầu tư của Chương trình đối với phát triển kinh tế - xã hội; tính bền vững của Chương trình; bình đẳng giới; môi trường, sinh thái (nếu có).

đ) Bài học rút ra sau quá trình thực hiện Chương trình và đề xuất khuyến nghị cần thiết để duy trì kết quả đã đạt được của Chương trình; các biện pháp để giảm thiểu các tác động tiêu cực về xã hội, môi trường (nếu có).

6. Nội dung đánh giá đột xuất về Chương trình

- a) Nội dung đánh giá theo quy định tại khoản 4 Mục IV Kế hoạch này.
- b) Xác định những phát sinh ngoài dự kiến (nếu có), nguyên nhân phát sinh ngoài dự kiến và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; ảnh hưởng của những phát sinh đến việc thực hiện Chương trình, khả năng hoàn thành mục tiêu của Chương trình.
- c) Chi phí thực hiện hoạt động đánh giá Chương trình của chủ Chương trình, chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản tại địa phương, cơ quan, đơn vị thực hiện Chương trình, Sở Tài chính được bố trí trong dự toán chi thường xuyên nguồn vốn Chương trình hằng năm.

V. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN THEO DÕI, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Phương pháp thực hiện theo dõi Chương trình

- a) Theo dõi thông qua tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 04 Hướng dẫn số 46/HD-BCA-C04.
- b) Tổ chức các đoàn công tác thực địa làm việc với các cơ quan, đơn vị có liên quan để nắm bắt tình hình thực hiện Chương trình.
- c) Thu thập, thông tin dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ sở dữ liệu khác có liên quan.
- d) Các phương pháp khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan (nếu có).

2. Phương pháp thực hiện kiểm tra Chương trình

- a) Cơ quan thực hiện hoạt động kiểm tra ban hành kế hoạch kiểm tra theo năm, gửi các đối tượng kiểm tra.
- b) Trước thời điểm tiến hành kiểm tra, cơ quan kiểm tra có văn bản thông báo cụ thể nội dung kiểm tra, yêu cầu về cung cấp hồ sơ, thời gian thực hiện hoạt động kiểm tra.
- c) Kết thúc hoạt động kiểm tra, cơ quan kiểm tra có kết luận thông báo kết quả thực hiện kiểm tra.
- d) Thời gian thực hiện hoạt động kiểm tra 01 đối tượng được kiểm tra không quá 05 ngày làm việc.

3. Phương pháp đánh giá Chương trình

- a) Đánh giá thông qua tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 05 Hướng dẫn số 46/HD-BCA-C04.
- b) Tổ chức các đoàn công tác thực địa làm việc với các cơ quan, đơn vị có liên quan để đánh giá tình hình thực hiện Chương trình.
- c) Thu thập, thông tin dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

d) Các phương pháp khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan (nếu có).

VI. QUY TRÌNH THEO DÕI, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH

1. Tổng hợp thông tin, báo cáo ở cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã (*đầu mối là Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp xã*) thu thập, tổng hợp thông tin, lập báo cáo về các dự án, tiểu dự án, hoạt động do cấp xã làm chủ đầu tư và do các đơn vị thực hiện triển khai trên địa bàn cấp xã theo các biểu mẫu tương ứng tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02, Phụ lục số 03, Phụ lục số 04, Phụ lục số 05 Hướng dẫn số 46/HD-BCA-C04 gửi Ủy ban nhân dân thành phố (*qua Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố*).

2. Tổng hợp thông tin, báo cáo của thành phố

Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố tổng hợp thông tin từ cấp xã và các chủ dự án, chủ tiểu dự án, chủ nội dung thành phần của thành phố, lập báo cáo kết quả thực hiện Chương trình của thành phố theo mẫu tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02, Phụ lục số 03, Phụ lục số 04, Phụ lục số 05 trình Ủy ban nhân dân thành phố ký duyệt, gửi về Bộ Công an (*qua Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy*).

3. Các thông tin, số liệu, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình ở cấp xã được chia sẻ giữa cơ quan đầu mối nhận báo cáo của thành phố với các cơ quan, đơn vị liên quan cùng cấp, không yêu cầu cấp xã phải gửi nhiều báo cáo cho nhiều cơ quan, đơn vị quản lý cấp trên.

4. Cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương cập nhật số liệu, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình đột xuất hoặc theo yêu cầu cụ thể của cơ quan có thẩm quyền.

VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thời hạn báo cáo định kỳ (6 tháng, 01 năm)

a) Ủy ban nhân dân cấp xã lập báo cáo gửi Ủy ban nhân dân thành phố (*qua Công an thành phố*) trước ngày 20 tháng 6 cùng năm đối với báo cáo 6 tháng; trước ngày 20 tháng 12 đối với báo cáo năm;

b) Công an thành phố tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo gửi Bộ Công an, Bộ Tài chính, các cơ quan Trung ương chủ trì các dự án, tiểu dự án thành phần trước ngày 25 tháng 6 cùng năm đối với báo cáo 6 tháng; trước ngày 25 tháng 12 đối với báo cáo năm;

2. Thời hạn báo cáo giữa kỳ và cuối kỳ

a) Trước ngày 01 tháng 9 năm 2028, gửi báo cáo đánh giá giữa kỳ (*giai đoạn 2026 - 2028*) về Bộ Công an, Bộ Tài chính và các cơ quan Trung ương chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần;

b) Trước ngày 01 tháng 9 năm 2030, gửi báo cáo đánh giá cuối kỳ (*giai đoạn 2026 - 2030*) về Bộ Công an, Bộ Tài chính và các cơ quan Trung ương chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần.

3. Thời hạn báo cáo, đánh giá đột xuất thực hiện Chương trình theo yêu cầu cụ thể của cơ quan có thẩm quyền khi cần thiết.

VIII. CHỈ SỐ, BIỂU MẪU THEO DÕI, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chỉ số, khung kết quả thực hiện Chương trình thực hiện theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Hướng dẫn số 46/HD-BCA-C04.

2. Kết quả huy động, phân bổ và thực hiện nguồn lực Chương trình thực hiện theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Hướng dẫn số 46/HD-BCA-C04.

3. Biểu mẫu thu thập thông tin phục vụ công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình thực hiện theo Biểu số 01, Biểu số 02, Biểu số 03, Biểu số 04, Biểu số 05, Biểu số 06, Biểu số 07, Biểu số 08, Biểu số 09 của Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Hướng dẫn số 46/HD-BCA-C04.

4. Mẫu báo cáo kết quả thực hiện Chương trình 6 tháng, hằng năm, định kỳ, đột xuất thực hiện theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Hướng dẫn số 46/HD-BCA-C04.

5. Mẫu báo cáo đánh giá Chương trình giữa kỳ, kết thúc thực hiện theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Hướng dẫn số 46/HD-BCA-C04.

IX. GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

1. Nội dung, trình tự, thủ tục, quy trình giám sát đầu tư của cộng đồng đối với các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư công, quy định của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư và Nghị định của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã (*Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu cấp xã*) phối hợp với Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức tham vấn cộng đồng và hộ gia đình, người dân hưởng lợi để rà soát, xác thực các thông tin, số liệu, báo cáo của đơn vị thực hiện về dự án, tiểu dự án, hoạt động cụ thể triển khai trên địa bàn cấp xã nhằm phục vụ công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

X. HỆ THỐNG THÔNG TIN, QUẢN LÝ, BÁO CÁO SỐ LIỆU ỨNG DỤNG CÁC GIẢI PHÁP SỐ HÓA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Xây dựng hệ thống theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Các cơ quan, đơn vị ở địa phương có trách nhiệm vận hành hệ thống thông tin quản lý, báo cáo số liệu ứng dụng các giải pháp số hóa theo hướng dẫn của Bộ Công an khi hệ thống đi vào hoạt động.

3. Số liệu cập nhật chính thức lên hệ thống thông tin quản lý, báo cáo số liệu ứng dụng các giải pháp số hóa của Chương trình phải được người có thẩm

quyền của các cơ quan, đơn vị phê duyệt.

4. Quy trình nghiệp vụ thực hiện chế độ báo cáo trên các hệ thống thông tin thực hiện theo quy định tại Điều 9, 10, 11, 12, 13 tại Chương III Quyết định số 25/2025/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu và chế độ báo cáo trực tuyến trên Hệ thống trong giám sát, đánh giá các Chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Các cơ quan, đơn vị phân công cụ thể bộ phận, cán bộ chịu trách nhiệm cập nhật số liệu và sử dụng hệ thống thông tin quản lý.

XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các sở, ban, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình, trong đó:

1. Công an thành phố (đầu mối cơ quan thường trực Chương trình)

a) Tham mưu Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình.

b) Tổng hợp chung kết quả theo dõi, kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình trên địa bàn, trình Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Công an và các bộ, cơ quan Trung ương chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động thuộc Chương trình; đồng thời tổng hợp, cập nhật báo cáo trên Hệ thống quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.

c) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan tham gia thực hiện Chương trình trên địa bàn tổ chức thực hiện công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành thành phố Cần Thơ (chủ dự án thành phần)

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ dự án thành phần cấp xã, chủ đầu tư triển khai công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá.

b) Tổng hợp kết quả thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động do sở, ban, ngành chủ trì quản lý, báo cáo Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố (*qua Công an thành phố đầu mối cơ quan thường trực Chương trình*), Ủy ban nhân dân thành phố, các sở, ban, ngành có liên quan theo chức năng và phạm vi quản lý.

3. Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình trên địa bàn theo Kế hoạch này và hướng dẫn của các sở, ban, ngành thành phố có liên quan theo chức năng và phạm vi quản lý.

4. Chủ đầu tư, cơ quan thực hiện ở các cấp xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, đánh giá các dự án, tiểu dự án, hoạt động cụ thể theo Kế hoạch này và hướng dẫn chi tiết của cơ quan quản lý các cấp theo chức năng và phạm vi quản lý.

5. Cơ chế theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát, báo cáo thực hiện Chương trình thực hiện theo Hướng dẫn của Bộ Công an về quy trình theo dõi, kiểm tra,

đánh giá, giám sát thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030.

6. Quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Công an thành phố) để phối hợp giải quyết.

7. Giao Công an thành phố chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Công an (để báo cáo);
- TT. TU, TT. HỒND TP;
- CT, PCT UBND TP;
- UBMTTQVN TP và các tổ chức CT-XH;
- Viện KSND TP, TAND TP;
- Sở, ban, ngành TP;
- Chi cục Hải quan khu vực XIX;
- BCH Bộ đội Biên phòng thành phố;
- UBND xã, phường;
- VP UBND TP (3E);
- Lưu: VT, M.



Số: 46/HD-BCA-C04

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2025

HƯỚNG DẪN

**Công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030**

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 03 năm 2021;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 163/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 04 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 163/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 7619/QĐ-BCA ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cơ quan Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Hướng dẫn công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030.

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Hướng dẫn này quy định nội dung, trách nhiệm, quy trình, phương pháp thực hiện công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 (sau đây viết gọn là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng

a) Chủ Chương trình, chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản Chương trình, chủ đầu tư các dự án, tiểu dự án, hoạt động thuộc Chương trình;

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

II. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Hướng dẫn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Theo dõi thực hiện Chương trình*” là hoạt động thường xuyên và định kỳ nhằm cập nhật thông tin liên quan đến tình hình thực hiện Chương trình, phân tích, đánh giá thông tin, đề xuất các phương án phục vụ việc ra quyết định của các cấp quản lý nhằm đảm bảo Chương trình thực hiện đúng mục tiêu, đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng và trong khuôn khổ các nguồn lực đã xác định. Theo dõi thực hiện Chương trình định kỳ bao gồm theo dõi hằng tháng, 6 tháng và theo dõi hằng năm.

2. “*Kiểm tra thực hiện Chương trình*” là hoạt động định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất, nhằm kiểm tra việc chấp hành quy định về quản lý Chương trình của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; phát hiện kịp thời những sai sót, yếu kém về quản lý Chương trình theo quy định của pháp luật; kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý những vướng mắc, phát sinh, việc làm sai quy định về quản lý Chương trình; giám sát việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý các vấn đề đã phát hiện.

3. “*Đánh giá thực hiện Chương trình*” là hoạt động định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất nhằm xác định mức độ đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể so với quyết định đầu tư hoặc tiêu chuẩn đánh giá quy định của nhà nước tại một thời điểm nhất định. Đánh giá thực hiện Chương trình bao gồm đánh giá hằng năm, giữa kỳ, đánh giá kết thúc, đánh giá tác động và đánh giá đột xuất.

4. “*Giám sát thực hiện Chương trình*” là hoạt động theo dõi, kiểm tra kế hoạch thực hiện Chương trình (bao gồm cả kế hoạch đầu tư công nguồn vốn Chương trình), việc tổ chức quản lý và tình hình thực hiện Chương trình.

5. “*Chủ Chương trình*” là Bộ Công an, được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao xây dựng, phê duyệt Chương trình theo quy định của Luật Đầu tư công và chủ trì quản lý Chương trình trên phạm vi cả nước.

6. “*Cơ quan chủ quản Chương trình*” là các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được cấp có thẩm quyền giao quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình theo phạm vi, địa bàn quản lý.

7. “*Chủ dự án, tiểu dự án thành phần*” là bộ, cơ quan trung ương chủ trì quản lý một hoặc một số dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình tại Quyết định phê duyệt Chương trình.

8. “*Chủ đầu tư*” là cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án, tiểu dự án, hoạt động thuộc Chương trình ở các cấp trung ương, tỉnh, xã theo cơ

chế phân cấp quản lý.

9. “Đơn vị thực hiện” là tổ chức, cá nhân được chủ đầu tư giao nhiệm vụ hoặc ký hợp đồng để triển khai thực hiện dự án, hoạt động cụ thể thuộc Chương trình.

III. THEO DÕI, KIỂM TRA CHƯƠNG TRÌNH

1. Trách nhiệm thực hiện theo dõi, kiểm tra Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Nội dung theo dõi, kiểm tra của Chủ Chương trình

- Theo dõi, kiểm tra việc quản lý thực hiện Chương trình: Xây dựng hệ thống văn bản quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình; lập kế hoạch thực hiện giai đoạn 5 năm và kế hoạch hằng năm; thực hiện và điều chỉnh kế hoạch triển khai Chương trình; truyền thông, tăng cường năng lực quản lý Chương trình, dự án thành phần.

- Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình: Tiến độ, mức độ, kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ; khối lượng thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc Chương trình.

- Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, dự toán ngân sách nhà nước: Huy động, sử dụng vốn thực hiện Chương trình, dự án thành phần; tình hình sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong thực hiện các dự án đầu tư, nội dung, hoạt động thuộc Chương trình, dự án thành phần (giải ngân, thanh toán, quyết toán, nợ đọng vốn xây dựng cơ bản (nếu có)).

- Theo dõi, kiểm tra năng lực tổ chức thực hiện, việc chấp hành quy định về quản lý Chương trình, quản lý đầu tư, biện pháp xử lý các vấn đề vi phạm đã được cơ quan có thẩm quyền phát hiện (nếu có) của chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản Chương trình.

- Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành chế độ giám sát, đánh giá Chương trình của chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản Chương trình.

3. Nội dung theo dõi, kiểm tra của chủ dự án thành phần

- Theo dõi, kiểm tra các nội dung về: Xây dựng hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện dự án thành phần theo phân cấp: công tác truyền thông, tăng cường năng lực quản lý, thực hiện nội dung, hoạt động dự án thành phần.

- Theo dõi, kiểm tra kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, hoạt động dự án thành phần.

- Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư, quản lý ngân sách nhà nước, năng lực quản lý dự án thành phần, việc xử lý các vấn đề vi phạm đã được cơ quan có thẩm quyền phát hiện (nếu có) của cơ quan chủ quản Chương trình.

- Theo dõi các nội dung về: Tổng hợp tình hình thực hiện dự án thành phần; lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện dự án đầu tư; thực hiện kế hoạch vốn ngân sách nhà nước, kết quả giải ngân; khó khăn, vướng mắc phát sinh và

kết quả xử lý.

4. Nội dung theo dõi, kiểm tra của cơ quan chủ quản Chương trình

- Theo dõi, kiểm tra việc quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình theo phạm vi quản lý: Xây dựng văn bản quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình; lập kế hoạch thực hiện giai đoạn 5 năm và kế hoạch hằng năm; thực hiện và điều chỉnh kế hoạch triển khai Chương trình; truyền thông, tăng cường năng lực quản lý Chương trình, dự án thành phần.

- Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện các Chương trình thuộc phạm vi quản lý: Tiến độ, mức độ, kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ; khối lượng thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc Chương trình.

- Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, dự toán ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý: Huy động, sử dụng vốn thực hiện các Chương trình; tình hình sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong thực hiện các dự án đầu tư, nội dung, hoạt động thuộc các Chương trình (giải ngân, thanh toán, quyết toán, nợ đọng vốn xây dựng cơ bản (nếu có)).

- Theo dõi, kiểm tra năng lực tổ chức thực hiện, việc chấp hành quy định về quản lý Chương trình, quản lý đầu tư, biện pháp xử lý các vấn đề vi phạm đã được cơ quan có thẩm quyền phát hiện (nếu có) của chủ dự án thành phần, cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc.

- Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành chế độ báo cáo kết quả thực hiện các Chương trình thuộc phạm vi quản lý.

IV. ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH

1. Đánh giá Chương trình thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư công và quy định của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư.

2. Nội dung đánh giá hằng tháng

a) Đánh giá công tác quản lý Chương trình trong tháng.

b) Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng, giải ngân vốn ngân sách nhà nước.

c) Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ.

d) Tồn tại, vướng mắc phát sinh và nguyên nhân.

đ) Phương hướng, giải pháp.

3. Nội dung đánh giá 6 tháng, hằng năm

a) Đánh giá công tác quản lý Chương trình trong năm thực hiện gồm: Kết quả xây dựng chính sách quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình; công tác điều phối, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện; hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, đánh giá Chương trình.

b) Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn.

c) Mức độ đạt được kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ so với kế hoạch hằng năm, giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền giao.

d) Tồn tại, vướng mắc phát sinh và nguyên nhân.

đ) Phương hướng, giải pháp thực hiện.

4. Nội dung đánh giá giữa kỳ

a) Đánh giá công tác quản lý Chương trình, gồm: kết quả xây dựng chính sách quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình; công tác điều hành, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình; hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, kiểm tra, đánh giá Chương trình, giám sát đầu tư cộng đồng; công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử.

b) Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn.

c) Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ gồm: sự phù hợp của kết quả thực hiện Chương trình so với mục tiêu của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; mức độ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình đến thời điểm đánh giá so với kế hoạch giai đoạn 5 năm.

d) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

đ) Đề xuất các giải pháp thực hiện Chương trình từ thời điểm đánh giá đến năm cuối giai đoạn 5 năm, bao gồm đề xuất điều chỉnh Chương trình (nếu có).

5. Nội dung đánh giá kết thúc và đánh giá tác động

a) Đánh giá công tác quản lý Chương trình, gồm: Kết quả xây dựng hệ thống chính sách quản lý, tổ chức thực hiện; công tác điều hành, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện; hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, kiểm tra, đánh giá Chương trình và giám sát đầu tư cộng đồng; công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử.

b) Đánh giá kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn.

c) Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của Chương trình so với mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Đánh giá tác động và hiệu quả đầu tư của Chương trình đối với phát triển kinh tế - xã hội; tính bền vững của Chương trình; bình đẳng giới; môi trường, sinh thái (nếu có).

đ) Bài học rút ra sau quá trình thực hiện Chương trình và đề xuất khuyến nghị cần thiết để duy trì kết quả đã đạt được của Chương trình; các biện pháp để giảm thiểu các tác động tiêu cực về xã hội, môi trường (nếu có).

6. Nội dung đánh giá đột xuất về Chương trình

a) Nội dung đánh giá theo quy định tại mục 4 phần IV Hướng dẫn này.

b) Xác định những phát sinh ngoài dự kiến (nếu có), nguyên nhân phát sinh ngoài dự kiến và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; ảnh hưởng của những phát sinh đến việc thực hiện Chương trình, khả năng hoàn thành mục tiêu của Chương trình.

7. Chi phí thực hiện hoạt động đánh giá Chương trình của chủ Chương trình, chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản tại trung ương và địa phương, cơ quan, đơn vị thực hiện Chương trình, Bộ Tài chính được bố trí trong dự toán chi thường xuyên nguồn vốn Chương trình hằng năm.

V. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN THEO DÕI, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Phương pháp thực hiện theo dõi Chương trình

a) Theo dõi thông qua tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 04 Hướng dẫn này.

b) Tổ chức các đoàn công tác thực địa làm việc với các cơ quan, đơn vị có liên quan tại các cấp để nắm bắt tình hình thực hiện Chương trình.

c) Thu thập, thông tin dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

d) Các phương pháp khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan (nếu có).

2. Phương pháp thực hiện kiểm tra Chương trình

a) Cơ quan thực hiện hoạt động kiểm tra ban hành kế hoạch kiểm tra theo năm kế hoạch, gửi các đối tượng kiểm tra.

Trước thời điểm tiến hành kiểm tra, cơ quan kiểm tra có văn bản thông báo cụ thể nội dung kiểm tra, yêu cầu về cung cấp hồ sơ, thời gian thực hiện hoạt động kiểm tra.

Kết thúc hoạt động kiểm tra, cơ quan kiểm tra có kết luận thông báo kết quả thực hiện kiểm tra.

b) Thời gian thực hiện hoạt động kiểm tra 01 đối tượng được kiểm tra không quá 5 ngày làm việc.

3. Phương pháp đánh giá Chương trình

a) Đánh giá thông qua tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 05 Hướng dẫn này.

b) Tổ chức các đoàn công tác thực địa làm việc với các cơ quan, đơn vị có liên quan tại các cấp để đánh giá tình hình thực hiện Chương trình.

c) Thu thập, thông tin dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

d) Các phương pháp khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan (nếu có).

VI. QUY TRÌNH THEO DÕI, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH

1. Tổng hợp thông tin, báo cáo ở cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã (đầu mối là Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp xã) thu thập, tổng hợp thông tin, lập báo cáo về các dự án, tiểu dự

án, hoạt động do cấp xã làm chủ đầu tư và do các đơn vị thực hiện triển khai trên địa bàn cấp xã theo các biểu mẫu tương ứng tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02, Phụ lục số 03, Phụ lục số 04, Phụ lục số 05 gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh).

2. Tổng hợp thông tin, báo cáo ở cấp tỉnh

Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh tổng hợp thông tin từ cấp xã và các chủ dự án, chủ tiêu dự án, chủ nội dung thành phần cấp tỉnh, lập báo cáo kết quả thực hiện Chương trình cấp tỉnh theo mẫu tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02, Phụ lục số 03, Phụ lục số 04, Phụ lục số 05 trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký duyệt, gửi về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy).

3. Tổng hợp thông tin, báo cáo ở cấp trung ương

- Các bộ, cơ quan chủ trì các dự án, tiêu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình tổng hợp thông tin, báo cáo cơ quan chủ trì Chương trình định kỳ, đột xuất theo mẫu tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02, Phụ lục số 03, Phụ lục số 04, Phụ lục số 05; đồng thời tổng hợp, báo cáo trên Hệ thống quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.

- Bộ Công an (Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy) - Chủ Chương trình tổng hợp thông tin từ cấp tỉnh và các chủ dự án, chủ tiêu dự án, chủ nội dung thành phần cấp trung ương, lập báo cáo thực hiện Chương trình trên cả nước theo mẫu tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02, Phụ lục số 03, Phụ lục số 04, Phụ lục số 05 gửi Bộ Tài chính và báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Các thông tin, số liệu, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình ở cấp xã được chia sẻ giữa cơ quan đầu mối nhận báo cáo ở cấp tỉnh với các cơ quan, đơn vị liên quan cùng cấp, không yêu cầu cấp xã phải gửi nhiều báo cáo cho nhiều cơ quan, đơn vị quản lý cấp trên.

5. Cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương các cấp cập nhật số liệu, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình đột xuất hoặc theo chủ đề theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thời hạn báo cáo định kỳ (6 tháng, 01 năm)

- Ủy ban nhân dân cấp xã lập báo cáo gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 20 tháng 6 cùng năm đối với báo cáo 6 tháng; trước ngày 20 tháng 12 năm kế hoạch đối với báo cáo năm;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo gửi Bộ Công an, Bộ Tài chính, các cơ quan Trung ương chủ trì các dự án, tiêu dự án thành phần trước ngày 25 tháng 6 cùng năm đối với báo cáo 6 tháng; trước ngày 25 tháng 12 đối với báo cáo năm;

- Các Bộ, cơ quan Trung ương chủ trì các dự án, tiêu dự án thành phần của Chương trình lập báo cáo gửi Bộ Công an, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 cùng năm đối với báo cáo 6 tháng; trước ngày 30 tháng 12 đối với báo cáo năm;

- Bộ Công an tổng hợp gửi Bộ Tài chính và báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia trước ngày 10 tháng 7 cùng năm đối với báo cáo 6 tháng; trước ngày 10 tháng 01 của năm kế hoạch đối với báo cáo năm.

2. Thời hạn báo cáo giữa kỳ và cuối kỳ:

- Trước ngày 01 tháng 9 năm 2028, các Bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương gửi báo cáo đánh giá giữa kỳ (giai đoạn 2026-2028) về Bộ Công an, Bộ Tài chính và các cơ quan trung ương chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần;

- Trước ngày 01 tháng 9 năm 2030, các Bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương gửi báo cáo đánh giá cuối kỳ (giai đoạn 2026-2030) về Bộ Công an, Bộ Tài chính và các cơ quan trung ương chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần.

3. Thời hạn báo cáo, đánh giá đột xuất thực hiện Chương trình theo yêu cầu cụ thể của cơ quan có thẩm quyền khi cần thiết.

(Mốc số liệu báo cáo theo quy định tại Nghị định số 09/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước).

VIII. CHỈ SỐ, BIỂU MẪU THEO DÕI, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chỉ số, khung kết quả thực hiện Chương trình thực hiện theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Hướng dẫn này.

2. Kết quả huy động, phân bổ và thực hiện nguồn lực Chương trình thực hiện theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Hướng dẫn này.

3. Biểu mẫu thu thập thông tin phục vụ công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình thực hiện theo Biểu số 01, Biểu số 02, Biểu số 03, Biểu số 04, Biểu số 05, Biểu số 06, Biểu số 07, Biểu số 08, Biểu số 09 của Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Hướng dẫn này.

4. Mẫu Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình 6 tháng, hằng năm, định kỳ, đột xuất thực hiện theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Hướng dẫn này.

5. Mẫu Báo cáo đánh giá Chương trình giữa kỳ, kết thúc thực hiện theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Hướng dẫn này.

IX. GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

1. Nội dung, trình tự, thủ tục, quy trình giám sát đầu tư của cộng đồng đối với các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư công, quy định của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư và Nghị định của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã (Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu cấp xã) phối hợp với Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, các tổ chức chính trị-xã hội, các thôn, bản, tổ chức tham vấn cộng đồng và hộ gia đình, người dân hưởng lợi để rà soát, xác thực các thông tin, số liệu, báo cáo của đơn vị thực hiện về dự án, tiêu

dự án, hoạt động cụ thể triển khai trên địa bàn cấp xã nhằm phục vụ công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

X. HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ, BÁO CÁO SỐ LIỆU ỨNG DỤNG CÁC GIẢI PHÁP SỐ HÓA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Xây dựng hệ thống thông tin theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Các cơ quan, đơn vị ở các cấp trung ương và địa phương có trách nhiệm vận hành hệ thống thông tin quản lý, báo cáo số liệu ứng dụng các giải pháp số hóa theo hướng dẫn của Bộ Công an khi hệ thống đi vào hoạt động.

3. Số liệu cập nhật chính thức lên hệ thống thông tin quản lý, báo cáo số liệu ứng dụng các giải pháp số hóa của Chương trình phải được người có thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị phê duyệt.

4. Quy trình nghiệp vụ thực hiện chế độ báo cáo trên các hệ thống thông tin thực hiện theo quy định tại Điều 9, 10, 11, 12, 13 tại Chương III Quyết định số 25/2025/QĐ-TTg ngày 22/7/2025 quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu và chế độ báo cáo trực tuyến trên Hệ thống trong giám sát, đánh giá các Chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Các cơ quan, đơn vị phân công cụ thể bộ phận, cán bộ chịu trách nhiệm cập nhật số liệu và sử dụng hệ thống thông tin quản lý.

XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan trung ương

a) Bộ Công an chủ trì, xây dựng kế hoạch giám sát, đánh giá; phối hợp với các Bộ, cơ quan Trung ương tổ chức giám sát, đánh giá tại các địa phương; xây dựng hệ thống báo cáo số liệu ứng dụng các giải pháp số hóa của Chương trình; tổng hợp, báo cáo chung kết quả giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình trên phạm vi toàn quốc, gửi Bộ Tài chính theo dõi, tổng hợp chung các Chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản Chương trình ở cấp Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá trên địa bàn; tổ chức thu thập và tổng hợp thông tin theo chức năng và phạm vi quản lý, gửi báo cáo về Bộ Công an (đầu mối là Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy).

2. Trách nhiệm của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các Sở, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình, trong đó:

a) Công an cấp tỉnh (đầu mối cơ quan thường trực Chương trình cấp tỉnh).

- Tham mưu cho Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các tỉnh trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình.

- Tổng hợp chung kết quả theo dõi, kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình trên địa bàn, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Công an và các bộ, cơ quan trung ương chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động thuộc Chương trình; đồng thời tổng hợp, cập nhật báo cáo trên Hệ thống quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan tham gia thực hiện Chương trình trên địa bàn tổ chức thực hiện công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá theo quy định.

b) Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh (chủ dự án thành phần cấp tỉnh)

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ dự án thành phần cấp xã, chủ đầu tư triển khai công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá.

- Tổng hợp kết quả thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động do Sở, ban, ngành chủ trì quản lý, báo cáo Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh (qua đầu mối cơ quan thường trực Chương trình cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các Bộ, cơ quan Trung ương có liên quan theo chức năng và phạm vi quản lý.

c) Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình trên địa bàn theo Hướng dẫn này và hướng dẫn của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan theo chức năng và phạm vi quản lý.

d) Chủ đầu tư, cơ quan thực hiện ở các cấp xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, đánh giá các dự án, tiểu dự án, hoạt động cụ thể theo quy định tại Hướng dẫn này và hướng dẫn chi tiết của cơ quan quản lý các cấp theo chức năng và phạm vi quản lý.

Quá trình tổ chức thực hiện Hướng dẫn, nếu có khó khăn, vướng mắc các bộ, ngành, địa phương trao đổi Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy) để kịp thời hướng dẫn, giải quyết. / *K*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/cáo);
- Phó Thủ tướng CP Lê Thành Long, Chủ tịch UBQG PC AIDS, MT, MD (để b/cáo);
- Đ/c Bộ trưởng (để b/cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để ph/hợp);
- Bộ Tài chính (để ph/hợp);
- Các bộ, ngành chủ quản Chương trình (để th/hiện);
- UBND các tỉnh, thành phố (để th/hiện);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Công an (để th/hiện);
- Công an các tỉnh, thành phố (để th/hiện);
- Lưu: VT, C04 (P6).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Thượng tướng Nguyễn Văn Long

PHỤ LỤC SỐ 01

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÁC CHỈ SỐ CHỦ YẾU
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG MA TÚY ĐẾN NĂM 2030**

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số..../HD-BCA ngày tháng năm 2030 của Bộ Công an)

STT	Chỉ số	Đơn vị tính	Số liệu gốc (tính đến cuối năm 2025)	Kết quả thực hiện tại thời điểm báo cáo định kỳ (hàng tháng, 6 tháng, 01 năm)			Kết quả thực hiện giữa kỳ (số liệu lũy kế, cập nhật đến thời điểm báo cáo)			Kết quả thực hiện cuối kỳ (Thời điểm báo cáo cuối kỳ 2030)			Trách nhiệm theo dõi, báo cáo		
				Số lượng	Tăng/giảm so với kỳ đầu	Tỷ lệ % hoàn thành so với mục tiêu	Số lượng	Tăng/giảm so với kỳ đầu	Tỷ lệ % hoàn thành so với mục tiêu	Số lượng	Tăng/giảm so với kỳ đầu	Tỷ lệ % hoàn thành so với mục tiêu	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp Trung ương
1	Về công tác giảm cung	- Số vụ/đối tượng phạm tội về ma túy tại khu vực biên giới đường bộ, tuyến đường biển, đường hàng không, chuyển phát nhanh. - Số lượng ma túy thu giữ (heroin, MTTH, thuốc phiện, cần sa...)	vụ/đối tượng										UBND xã	UBND cấp tỉnh	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài Chính
		- Số vụ/đối tượng phạm tội về ma túy có tổ chức xuyên quốc gia - Số lượng ma túy thu giữ (heroin, MTTH, thuốc phiện, cần sa...)	vụ/đối tượng											UBND xã	UBND cấp tỉnh

		- Số vụ/đối tượng phạm tội về ma túy lợi dụng không gian mạng. - Số lượng ma túy thu giữ (heroin, MTHH, thuốc phiện, cần sa...)	vụ/đối tượng Kg/viên											UBND xã	UBND cấp tỉnh	Bộ Công an	
		Điểm chứa chấp, sử dụng trái phép chất ma túy	điểm											UBND xã	UBND cấp tỉnh	Bộ Công an	
		Đối tượng mua bán trái phép chất ma túy	đối tượng											UBND xã	UBND cấp tỉnh	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài Chính	
		Diện tích trồng cây có chứa chất ma túy	m2/số lượng cây											UBND xã	UBND cấp tỉnh	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng	
		Số cán bộ lượng chuyên trách phòng, chống ma túy được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện phục vụ phòng, chống tội phạm ma túy	người											UBND xã	UBND cấp tỉnh	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài Chính	
2	Về công tác giảm cầu	Số người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy	người											UBND xã	UBND cấp tỉnh	Bộ Công an	
		Số xã, phường, đặc khu không ma túy	Đơn vị											UBND xã	UBND cấp tỉnh	Bộ Công an	
		Số cơ quan truyền thông chủ lực đa phương tiện và cơ quan báo chí có chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề về PCMT	Đơn vị												UBND xã	UBND cấp tỉnh	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		Số nhà trường tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy	đơn vị												UBND xã	UBND cấp tỉnh	Bộ Giáo dục và Đào tạo

	Số học sinh, sinh viên được tuyên truyền về PCMT	người											UBND xã	UBND cấp tỉnh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
	Số người lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất được tuyên truyền PCMT	người											UBND xã	UBND cấp tỉnh	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	
	Số người vi phạm pháp luật liên quan đến ma túy, người nghiện, người sử dụng và người sau cai nghiện được trợ giúp pháp lý	người											UBND xã	UBND cấp tỉnh	Bộ Tư pháp	
3	Về công tác giảm tác hại	Số cơ sở cai nghiện công lập đáp ứng điều kiện theo quy định của Luật PCMT	đơn vị											UBND cấp tỉnh	Bộ Công an	
		Số xã, phường, đặc khu có người nghiện ma túy bố trí điểm tiếp nhận và tư vấn cai nghiện	Đơn vị											UBND xã	UBND cấp tỉnh	Bộ Y tế
		Số địa phương tổ chức công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng	Đơn vị											UBND xã	UBND cấp tỉnh	Bộ Công an
		Số trạm y tế đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện	Đơn vị											UBND xã	UBND cấp tỉnh	Bộ Y tế
		Số cơ sở cai nghiện đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện	Đơn vị												UBND cấp tỉnh	Bộ Công an
		Số người tham gia điều trị bằng methadone	người											UBND xã	UBND cấp tỉnh	Bộ Y tế

	Số người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy, người cai nghiện, người tham gia điều trị nghiện ma túy, người sau cai nghiện được tư vấn, hỗ trợ và can thiệp về y tế, tâm lý	người												UBND xã	UBND cấp tỉnh	Bộ Y tế
--	--	-------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	---------	---------------	---------

....., ngày tháng năm

CƠ QUAN BÁO CÁO
(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Các cơ quan chính quyền địa phương và cơ quan quản lý ở từng cấp (trung ương, tỉnh, xã) tổng hợp số liệu theo địa bàn hoặc theo ngành/lĩnh vực quản lý từ báo cáo của cấp dưới (nếu có), đối chiếu với số liệu báo cáo của các cơ quan thực hiện và chủ đầu tư ở cùng cấp.

PHỤ LỤC SỐ 02
BIỂU 01

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN

DỰ ÁN 1: Phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm về ma túy có tổ chức, xuyên quốc gia

Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030

(ban hành kèm theo Hướng dẫn số ngày tháng năm của Bộ Công an)

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Số liệu kỳ trước	Số liệu thực hiện trong kỳ báo cáo					Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo	Tỷ lệ % hoàn thành mục tiêu đề ra	Trách nhiệm báo cáo		
				2026	2027	2028	2029	2030			Xã	Tỉnh	Trung ương
1	Số vụ phạm tội về ma túy có tổ chức, xuyên quốc gia, tại khu vực biên giới đường bộ, đường biển, đường hàng không, chuyển phát nhanh được phát hiện, bắt giữ, trong đó:	Vụ									X	X	X
	- Số vụ phạm tội về ma túy có tổ chức, xuyên quốc gia tại khu vực biên giới đường bộ - Số đối tượng bị bắt giữ - Số lượng ma túy phát hiện, thu giữ (heroin, MTTH, thuốc phiện, cần sa...)	Vụ/Đối tượng/ Kg/viên MTTH									X	X	X
	- Số vụ phạm tội về ma túy có tổ chức, xuyên quốc gia qua đường hàng không - Số đối tượng bị bắt giữ - Số lượng ma túy phát hiện, thu giữ	Vụ/Đối tượng/ Kg/viên MTTH									X	X	X
	- Số vụ phạm tội về ma túy có tổ chức, xuyên quốc gia qua đường chuyển phát nhanh - Số đối tượng bị bắt giữ - Số lượng ma túy phát hiện, thu giữ	Vụ/Đối tượng/ Kg/viên MTTH									X	X	X
2	Số vụ phạm tội về ma túy lợi dụng không gian mạng được phát hiện, bắt giữ - Số đối tượng bị bắt giữ - Số lượng ma túy phát hiện, thu giữ	Vụ/Đối tượng/ Kg/viên MTTH									X	X	X

3	Tỷ lệ phát hiện, bắt giữ tội phạm về ma túy tại khu vực cửa khẩu, biên giới	%									X	X	X
4	Số điểm tổ chức, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy được phát hiện, triệt phá	Điểm									X	X	X
5	Số đối tượng truy nã về ma túy bị bắt giữ	Đối tượng									X	X	X
6	Số chuyên án, vụ việc chung với lực lượng chức năng các nước - Số đối tượng bị bắt giữ - Số lượng ma túy phát hiện, thu giữ	Chuyên án/Vụ việc/đối tượng/kg, viên MTTH										X	X
7	Số cán bộ, chiến sỹ lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân, Hải quan được bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ về PCMT	Người										X	X
8	Tổng số vốn thực hiện dự án	Tỷ đồng									X	X	X
	- Nguồn vốn Trung ương: + Vốn đầu tư phát triển + Vốn sự nghiệp	Tỷ đồng									X	X	X
	- Nguồn vốn địa phương: + Vốn đầu tư phát triển + Vốn sự nghiệp	Tỷ đồng									X	X	X

Ghi chú:

- Cơ quan thực hiện, Chủ đầu tư lập biểu này đối với dự án/hoạt động do mình thực hiện, làm chủ đầu tư. Các cơ quan chính quyền địa phương và cơ quan quản lý ở từng cấp (trung ương, tỉnh, xã) tổng hợp số liệu theo địa bàn hoặc theo ngành/lĩnh vực quản lý từ báo cáo của cấp dưới (nếu có), đối chiếu với số liệu báo cáo của các cơ quan thực hiện và chủ đầu tư ở cùng cấp.

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng cơ quan

(ký tên và đóng dấu)

BIỂU 02

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN

DỰ ÁN 2: Ứng dụng khoa học và công nghệ trong phòng, chống ma túy

Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030

(ban hành kèm theo Hướng dẫn số ngày tháng năm của Bộ Công an)

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Số liệu kỳ trước	Kết quả thực hiện trong kỳ báo cáo					Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo (đạt tỷ lệ so với mục tiêu đề ra)	Trách nhiệm báo cáo		
				2026	2027	2028	2029	2030		Xã	Tỉnh	Trung ương
I	Mục tiêu chung											
	Thiết kế chi tiết từng phân hệ của Hệ thống phần mềm; lập trình, cài đặt và tiến hành thử nghiệm từng phần mềm.											C04, Bộ Công an
	Số Cơ sở cai nghiện và Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy được lắp đặt trang thiết bị hạ tầng công nghệ thông tin										Công an cấp tỉnh	C04, Bộ Công an
	Tỷ lệ cán bộ, nhân viên làm công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai và quản lý nhà nước về cai nghiện ma túy các cấp được tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ qua hình thức trực tuyến										Công an cấp tỉnh	C04, Bộ Công an
II	Chỉ tiêu cụ thể											
1	Phần mềm phục vụ công tác chỉ huy, chỉ đạo, quản lý, điều hành công tác phòng, chống ma túy											C04, Bộ Công an

	- Số văn bản chỉ đạo, điều hành công tác phòng, chống ma túy (Thông tư, Quyết định, Công văn, kế hoạch, phương án... về công tác phòng, chống ma túy của Bộ Công an	Văn bản									C04, V01 Bộ Công an
	- Số văn bản chỉ đạo, điều hành công tác phòng, chống ma túy (Thông tư, Quyết định, Công văn, kế hoạch, phương án, hướng dẫn nghiệp vụ... về công tác phòng, chống ma túy của Công an cấp tỉnh	Văn bản								Công an cấp tỉnh	
	- Số báo cáo sơ kết, tổng kết, chuyên đề định kỳ, đột xuất về công tác phòng, chống ma túy	Văn bản								Công an cấp tỉnh	C04, V01 Bộ Công an
	- Số lượng cán bộ được tập huấn sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu	Người								Công an cấp tỉnh	C04, Bộ Công an
	- Số cán bộ quản lý, điều phối, tổ chức thực hiện Chương trình các cấp, cán bộ trong hệ thống chính trị tham gia thực hiện Chương trình được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức quản lý, điều phối thực hiện Chương trình.	Người								Công an cấp tỉnh	C04, Bộ Công an
	Số cuộc kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình	Cuộc								Công an cấp tỉnh	C04, Bộ Công an
2	Phần mềm và cơ sở dữ liệu quản lý cơ sở cai nghiện thông minh										
	- Số cán bộ, chiến sỹ, người lao động làm việc tại cơ sở	Người								Công an cấp tỉnh	C04, Bộ Công an
	- Số người đang cai nghiện tại cơ sở	Người								Công an cấp tỉnh	C04, Bộ Công an
	- Số người đã hoàn thành cai nghiện tại cơ sở	Người								Công an cấp tỉnh	C04, Bộ Công an

	- Số người cai nghiện có tiền án, tiền sự	Người									Công an cấp tỉnh	C04, Bộ Công an
	- Số vụ việc người cai nghiện bỏ trốn, làm mất an ninh trật tự tại cơ sở	Vụ									Công an cấp tỉnh	C04, Bộ Công an
	- Số người tái nghiện ma túy (trong 01 năm/sau 01 năm/sau 02 năm/sau 03 năm/sau 04 năm/sau 05 năm)	Người									Công an cấp tỉnh	C04, Bộ Công an
3	Phần mềm và Cơ sở dữ liệu kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy											
	- Số đơn vị, doanh nghiệp được cấp phép xuất, nhập khẩu các loại tiền chất, thuốc gây nghiện, chất hướng thần...	Đơn vị									UBND cấp tỉnh	Bộ Công an; Bộ Công thương
	- Số lượng tiền chất, thuốc gây nghiện, chất hướng thần đã được cấp phép xuất, nhập khẩu	Kg/lít									UBND cấp tỉnh	C04, Bộ Công an
	- Số vụ việc vi phạm liên quan đến việc xuất, nhập khẩu các loại tiền chất, thuốc gây ghiện, chất hướng thần...	Vụ									UBND cấp tỉnh	Bộ Công an; Bộ Công thương
4	Tạo làm bài giảng điện tử nâng cao năng lực quản lý cai nghiện ma túy và quản lý sau cai trên ứng dụng Bình dân học vụ số của Bộ Công an:											
	- Số lượng bài giảng, tài liệu, học liệu cập nhật trên ứng dụng	Tài liệu										C04, Bộ Công an
	- Số người làm công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai được trang bị kiến thức, kỹ năng thông qua việc đào tạo, tập huấn trực tuyến.	Người									Công an cấp tỉnh	C04, Bộ Công an
5	Tổng số vốn thực hiện dự án	Tỷ đồng										
	- Nguồn vốn Trung ương: + Vốn đầu tư phát triển	Tỷ đồng									Công an cấp	C04, Bộ Công an

+ Vốn sự nghiệp												tin
- Nguồn vốn địa phương: + Vốn đầu tư phát triển + Vốn sự nghiệp	Tỷ đồng											Công an cấp tỉnh

Ghi chú:

Cơ quan thực hiện, Chủ đầu tư lập biểu này đối với dự án/hoạt động do mình thực hiện, làm chủ đầu tư. Các cơ quan chính quyền địa phương và cơ quan quản lý ở từng cấp (trung ương, tỉnh, xã) tổng hợp số liệu theo địa bàn hoặc theo ngành/lĩnh vực quản lý từ báo cáo của cấp dưới (nếu có), đối chiếu với số liệu báo cáo của các cơ quan thực hiện và chủ đầu tư ở cùng cấp.

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng cơ quan

(ký tên và đóng dấu)

5	Hoàn thành 01 trung tâm phân tích, xử lý thông tin tội phạm ma túy	Trung tâm	Số kinh phí đầu tư											Bộ Quốc phòng
6	Kinh phí đã triển khai thực hiện (tổng số kinh phí của tiểu dự án, số kinh phí đã thực hiện)	Tỷ đồng	Phân tích theo từng loại											Bộ Quốc phòng

Ghi chú:

....., ngày tháng năm

- Cơ quan thực hiện, Chủ đầu tư lập biểu này đối với dự án/hoạt động do mình thực hiện, làm chủ đầu tư. Các cơ quan chính quyền địa phương và cơ quan quản lý ở từng cấp (trung ương, tỉnh, xã) tổng hợp số liệu theo địa bàn hoặc theo ngành/lĩnh vực quản lý từ báo cáo của cấp dưới (nếu có), đối chiếu với số liệu báo cáo của các cơ quan thực hiện và chủ đầu tư ở cùng cấp.

- Với các chỉ số yêu cầu **phân tổ số liệu** cơ quan báo cáo bổ sung dòng số liệu tương ứng theo từng phân tổ.

Thủ trưởng cơ quan

(ký tên và đóng dấu)

BIỂU 04

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN

DỰ ÁN 4: Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy ở cơ sở

Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030

(ban hành kèm theo Thông tư số ngày tháng năm của Bộ Công an)

STT	Chỉ số	Đơn vị tính	Số liệu kỳ trước	Kết quả thực hiện trong kỳ báo cáo					Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo (đạt tỷ lệ so với mục tiêu đề ra)	Trách nhiệm báo cáo		
				2026	2027	2028	2029	2030		Xã	Tỉnh	Trung ương
1	Tổng số người nghiện ma túy,	Người								X	X	X
2	người sử dụng trái phép chất ma túy	Người								X	X	X
3	Tổng số người hiện đang bị quản lý sau cai	Người								X	X	X
4	Tổng số xã, phường, đặc khu trọng điểm phức tạp về ma túy, trong đó:									X	X	X
	Số xã, phường, đặc khu trọng điểm phức tạp loại I	Đơn vị								X	X	X
	Số xã, phường, đặc khu trọng điểm phức tạp loại II	Đơn vị								X	X	X
	Số xã, phường, đặc khu trọng điểm phức tạp loại III	Đơn vị								X	X	X
5	Số xã, phường, đặc khu không ma túy	Đơn vị								X	X	X
6	Số đối tượng mua bán trái phép chất ma túy bị phát hiện, bắt giữ	Đối tượng								X	X	X

7	Số đối tượng truy nã do phạm tội về ma túy bị phát hiện, bắt giữ trên địa bàn	Đối tượng								X	X	X
8	Diện tích trồng cây có chứa chất ma túy bị phát hiện, triệt phá + Diện tích trồng cây có chứa chất ma túy: + Số lượng cây có chứa chất ma túy:	m2/số lượng cây								X	X	X
9	Số cơ sở y tế đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện	Đơn vị								X	X	X
10	Số điểm tiếp nhận, tư vấn, đăng ký cai nghiện ma túy	Đơn vị								X	X	X
11	Số người làm công tác lập hồ sơ cai nghiện ma túy; tiếp nhận, tư vấn, đăng ký cai nghiện ma túy được đào tạo, tập huấn	Người								X	X	X
12	Số người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy, người bị quản lý sau cai và người nghiện cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng được tư vấn, hỗ trợ và can thiệp y tế, tâm lý, trong đó:	Người								X	X	X
	- Số người nghiện ma túy được tư vấn, hỗ trợ và can thiệp y tế, tâm lý	Người								X	X	X
	- Số người sử dụng trái phép chất ma túy được tư vấn, hỗ trợ và can thiệp y tế, tâm lý	Người								X	X	X
	- Số người bị quản lý sau cai được tư vấn, hỗ trợ và can thiệp y tế, tâm lý	Người								X	X	X
13	Số người nghiện cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng được tư vấn, hỗ trợ và can thiệp y tế, tâm lý	Người								X	X	X
	Tổng số vốn thực hiện dự án	Tỷ đồng								X	X	X
	- Nguồn vốn Trung ương: + Vốn đầu tư phát triển + Vốn sự nghiệp	Tỷ đồng								X	X	X
	- Nguồn vốn địa phương: + Vốn đầu tư phát triển + Vốn sự nghiệp	Tỷ đồng								X	X	X

Ghi chú:

Cơ quan thực hiện, Chủ đầu tư lập biểu này đối với dự án/hoạt động do mình thực hiện, làm chủ đầu tư. Các cơ quan chính quyền địa phương và cơ quan quản lý ở từng cấp (trung ương, tỉnh, xã) tổng hợp số liệu theo địa bàn hoặc theo ngành/lĩnh vực quản lý từ báo cáo của cấp dưới (nếu có), đối chiếu với số liệu báo cáo của các cơ quan thực hiện và chủ đầu tư ở cùng cấp.

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng cơ quan

(ký tên và đóng dấu)

BIỂU 05

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN

DỰ ÁN 5: Nâng cao hiệu quả cai nghiện ma túy và quản lý sau cai

Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030

(ban hành kèm theo Hướng dẫn số ngày tháng năm của Bộ Công an)

STT	Chỉ số	Đơn vị tính	Số liệu kỳ trước	Kết quả thực hiện trong kỳ báo cáo					Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo (đạt tỷ lệ so với mục tiêu đề ra)	Trách nhiệm báo cáo			
				2026	2027	2028	2029	2030		Xã	Tỉnh	Trung ương	
1	Số cơ sở cai nghiện ma túy công lập bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định và đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện	Đơn vị										X	X
2	Số người nghiện ma túy được cai nghiện:	Người										X	X
	(1) Số người cai nghiện bắt buộc tại cơ sở	Người										X	X
	(2) Số người cai nghiện tự nguyện tại cơ sở	Người										X	X
	(3) Số người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Người								X	X	X	X
3	Số người nghiện được cung cấp, tiếp cận chính sách, pháp luật, thông tin hệ thống dịch vụ về cai nghiện ma túy, quản lý, hỗ trợ xã hội đối với người sau cai nghiện ma túy	Người									X	X	X
4	Số người sau cai nghiện ma túy được cung cấp, tiếp cận chính sách, pháp luật, thông tin hệ thống dịch vụ về cai nghiện ma túy, quản lý, hỗ trợ xã hội đối với người sau cai nghiện ma túy										X	X	X
5	Số gia đình người nghiện ma túy được cung cấp, tiếp cận chính sách, pháp luật, thông tin hệ thống dịch vụ về cai nghiện										X	X	X

	ma túy, quản lý, hỗ trợ xã hội đối với người sau cai nghiện ma túy											
6	Số người nghiện ma túy được tư vấn cai nghiện, người sau cai nghiện được hỗ trợ phòng, chống tái nghiện ma túy và hỗ trợ hoà nhập cộng đồng.	Người								X	X	X
7	Số cán bộ, nhân viên làm công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai và quản lý nhà nước về cai nghiện ma túy các cấp được tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn	Người								X	X	X
8	Số điểm/đơn vị cung cấp dịch vụ cai nghiện tại gia đình, cộng đồng được hỗ trợ nâng cấp sửa chữa, bổ sung trang thiết bị đủ điều kiện theo quy định	Đơn vị								X	X	X
9	Số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng	Đơn vị									X	X
10	Tổng số vốn thực hiện dự án	Tỷ đồng								X	X	X
	- Nguồn vốn Trung ương: + Vốn đầu tư phát triển + Vốn sự nghiệp	Tỷ đồng								X	X	X
	- Nguồn vốn địa phương: + Vốn đầu tư phát triển + Vốn sự nghiệp	Tỷ đồng								X	X	X

Ghi chú:

Cơ quan thực hiện, Chủ đầu tư lập biểu này đối với dự án/hoạt động do mình thực hiện, làm chủ đầu tư. Các cơ quan chính quyền địa phương và cơ quan quản lý ở từng cấp (trung ương, tỉnh, xã) tổng hợp số liệu theo địa bàn hoặc theo ngành/lĩnh vực quản lý từ báo cáo của cấp dưới (nếu có), đối chiếu với số liệu báo cáo của các cơ quan thực hiện và chủ đầu tư ở cùng cấp.

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng cơ quan

(ký tên và đóng dấu)

7	Tổng số vốn thực hiện dự án	Tỷ đồng								X	X	X
	- Nguồn vốn Trung ương: + Vốn đầu tư phát triển + Vốn sự nghiệp	Tỷ đồng								X	X	X
	- Nguồn vốn địa phương: + Vốn đầu tư phát triển + Vốn sự nghiệp	Tỷ đồng								X	X	X

Ghi chú:

- Cơ quan thực hiện, Chủ đầu tư lập biểu này đối với dự án/hoạt động do mình thực hiện, làm chủ đầu tư. Các cơ quan chính quyền địa phương và cơ quan quản lý ở từng cấp (trung ương, tỉnh, xã) tổng hợp số liệu theo địa bàn hoặc theo ngành/lĩnh vực quản lý từ báo cáo của cấp dưới (nếu có), đối chiếu với số liệu báo cáo của các cơ quan thực hiện và chủ đầu tư ở cùng cấp.

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng cơ quan

(ký tên và đóng dấu)

IV	Tiểu dự án 4: Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy cho công nhân lao động các khu công nghiệp (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chủ trì)											
1	Số công đoàn ngành, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về phòng, chống ma túy trong cán bộ, đoàn viên, người lao động; vận động người lao động tham gia phòng, chống ma túy và thực hiện các phong trào phòng, chống ma túy.									X	X	X
2	Số cán bộ làm công tác tuyên truyền của tổ chức công đoàn được trang bị kiến thức, kỹ năng về phòng, chống ma túy.									X	X	X
3	Số công đoàn cơ sở doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu chế xuất triển khai các giải pháp về phòng, chống ma túy cho công nhân lao động.									X	X	X
4	Số người lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, kiến thức, kỹ năng về phòng, chống ma túy									X	X	X
5	Nguồn vốn thực hiện: + Tổng số kinh phí của tiểu dự án, + Số kinh phí đã thực hiện	Tỷ đồng								X	X	X

Ghi chú:

Cơ quan thực hiện, Chủ đầu tư lập biểu này đối với dự án/hoạt động do mình thực hiện, làm chủ đầu tư. Các cơ quan chính quyền địa phương và cơ quan quản lý ở từng cấp (trung ương, tỉnh, xã) tổng hợp số liệu theo địa bàn hoặc theo ngành/lĩnh vực quản lý từ báo cáo của cấp dưới (nếu có), đối chiếu với số liệu báo cáo của các cơ quan thực hiện và chủ đầu tư ở cùng cấp.

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng cơ quan

(ký tên và đóng dấu)

7	Số học viên, chức danh tư pháp theo học lớp luật sư, giảng viên nguồn về luật và đối tượng có liên quan được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật chuyên sâu về phòng, chống ma túy.	Người									x	x
8	Nguồn vốn thực hiện: + Tổng số kinh phí của tiểu dự án, + Số kinh phí đã thực hiện	Tỷ đồng									x	x

Ghi chú:

Cơ quan thực hiện, Chủ đầu tư lập biểu này đối với dự án/hoạt động do mình thực hiện, làm chủ đầu tư. Các cơ quan chính quyền địa phương và cơ quan quản lý ở từng cấp (trung ương, tỉnh, xã) tổng hợp số liệu theo địa bàn hoặc theo ngành/lĩnh vực quản lý từ báo cáo của cấp dưới (nếu có), đối chiếu với số liệu báo cáo của các cơ quan thực hiện và chủ đầu tư ở cùng cấp.

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng cơ quan

(ký tên và đóng dấu)

BIỂU 09**TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN****DỰ ÁN 9: Quản lý, giám sát, đánh giá Chương trình (Bộ Công an chủ trì)**

Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030

(ban hành kèm theo Hướng dẫn số ngày tháng năm của Bộ Công an)

STT	Chỉ số	Đơn vị tính	Số liệu kỳ trước (nếu có)	Kết quả thực hiện trong kỳ báo cáo					Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo (đạt tỷ lệ so với mục tiêu đề ra)	Trách nhiệm báo cáo		
				2026	2027	2028	2029	2030		Xã	Tỉnh	Trung ương
1	Số cán bộ quản lý, điều phối, tổ chức thực hiện Chương trình các cấp được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức quản lý, điều phối thực hiện Chương trình.	Người								X	X	X
2	Số cán bộ trong hệ thống chính trị tham gia thực hiện Chương trình được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức quản lý, điều phối thực hiện Chương trình.	Người								X	X	X
3	Số chỉ tiêu, nhiệm vụ Chương trình được thực hiện và phổ biến các khuyến nghị, hướng dẫn để nâng cao hiệu quả thực hiện tại các cấp.	Nhiệm vụ								X	X	X
4	Số cuộc kiểm tra, giám sát, đánh giá được thực hiện	Cuộc								X	X	X

5	Số đơn vị được kiểm tra, giám sát, đánh giá (đơn vị cấp bộ, cấp tỉnh, cấp xã)	Đơn vị								X	X	X
6	Nguồn vốn thực hiện: + Tổng số kinh phí của tiểu dự án, + Số kinh phí đã thực hiện	Tỷ đồng								X	X	X

Ghi chú:

Cơ quan thực hiện, Chủ đầu tư lập biểu này đối với dự án/hoạt động do mình thực hiện, làm chủ đầu tư. Các cơ quan chính quyền địa phương và cơ quan quản lý ở từng cấp (trung ương, tỉnh, xã) tổng hợp số liệu theo địa bàn hoặc theo ngành/lĩnh vực quản lý từ báo cáo của cấp dưới (nếu có), đối chiếu với số liệu báo cáo của các cơ quan thực hiện và chủ đầu tư ở cùng cấp.

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng cơ quan
(ký tên và đóng dấu)

	viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật và đối tượng có liên quan.																			
9	Dự án 9: Quản lý, giám sát, đánh giá Chương trình (Bộ Công an)																			
	Nội dung 01: Xây dựng quy trình, hệ thống kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình và từng Dự án, Tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình.																			
	Nội dung 02: Tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình và từng Dự án, Tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình.																			
	Nội dung 03: Tăng cường, nâng cao năng lực cho cán bộ và cơ quan trung ương, địa phương thực hiện công tác quản lý, điều phối, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình và các cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia tổ chức thực hiện Chương trình.																			
	TỔNG SỐ																			

Nơi nhận:

.....

....., ngày....tháng....năm.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 04

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số: /HD-BCA, ngày /11/2025 của Bộ Công an)

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC

....., ngày..... tháng..... năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030

(Kỳ báo cáo định kỳ: từ tháng.....năm..... đến tháng.....năm.....)

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG MA TUÝ ĐẾN NĂM 2030

1. Ban hành cơ chế chính sách, hướng dẫn thực hiện

- Tình hình xây dựng và ban hành các cơ chế chính sách, hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 (sau đây gọi là Chương trình).

- Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc về ban hành và triển khai các cơ chế chính sách, hướng dẫn chung và các cơ chế chính sách, hướng dẫn đặc thù của địa phương trong thực hiện Chương trình.

2. Công tác chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện Chương trình

- Kiện toàn, tổ chức hoạt động của Ban chỉ đạo, bộ máy giúp việc Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình.

- Cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình.

- Cơ chế phân cấp quản lý, trao quyền cho địa phương, cơ sở và người dân thực hiện Chương trình.

- Cơ chế huy động, phân bổ, sử dụng, lồng ghép nguồn lực.

- Lập kế hoạch, giao kế hoạch thực hiện Chương trình.

- Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, giải ngân, nghiệm thu, thanh quyết toán các dự án, hoạt động thuộc Chương trình.

- Thông tin, truyền thông, vận động

- Nâng cao năng lực cho các chủ đầu tư, cán bộ các cấp, cộng đồng, người dân.

- Theo dõi, kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình
- Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, hạn chế về công tác chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện Chương trình.

3. Tình hình thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của Chương trình

- Chủ dự án, chủ tiểu dự án, chủ nội dung thành phần, UBND các cấp báo cáo tình hình thực hiện đối với các dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của Chương trình thuộc phạm vi quản lý và thuộc trách nhiệm báo cáo.

- Báo cáo tình hình thực hiện đối với mỗi dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của Chương trình theo đề cương chung như sau:

+ **Bố trí, huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực:** ngân sách Trung ương (vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp); ngân sách địa phương (vốn đối ứng: vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp); vốn lồng ghép; huy động khác (theo các nguồn: tín dụng; huy động doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; đóng góp của người dân, cộng đồng; hợp tác quốc tế, dự án tài trợ nếu có) cho từng dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của Chương trình thuộc phạm vi quản lý.

+ **Tiến độ, kết quả thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động** thuộc phạm vi quản lý và trách nhiệm báo cáo (nêu các chỉ số kết quả chính, chi tiết nêu trong các Biểu số liệu đính kèm báo cáo).

+ Những thành tựu nổi bật, thay đổi tích cực trong kỳ báo cáo, so sánh với các kỳ báo cáo trước.

+ Những kinh nghiệm tốt, cách làm hay, mô hình thành công, gương điển hình.

+ Tình hình lồng ghép giới, thực hiện bình đẳng giới.

+ Những khó khăn, vướng mắc về cơ chế chính sách, hướng dẫn thực hiện; các hạn chế, yếu tố ảnh hưởng và rủi ro trong điều kiện thực tế tại địa phương. Nguyên nhân và hệ quả.

+ Ngoài các nội dung báo cáo tổng hợp và các Biểu số liệu cập nhật đối với từng dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động, có thể gửi kèm các tài liệu khác để giải trình, báo cáo làm rõ thêm.

(Kèm theo số liệu tại các Biểu số liệu của Phụ lục số 02 về kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án).

4. Tiến độ thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình

- Đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu cụ thể, các chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình thuộc phạm vi quản lý.

- Những chỉ tiêu chủ yếu đã đạt kế hoạch đề ra trong kỳ báo cáo.

- Những chỉ tiêu chủ yếu chưa đạt kế hoạch đề ra trong kỳ báo cáo.

- Phân tích các nguyên nhân, yếu tố ảnh hưởng, các bài học, kinh nghiệm tốt, cách làm hay, các khó khăn, hạn chế của địa phương.

(Kèm theo số liệu tại Phụ lục số 01, bao gồm các chỉ số kết quả chủ yếu thuộc phạm vi quản lý và trách nhiệm báo cáo)

5. Huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực

- Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực trong kỳ báo cáo:
 - + Nguồn ngân sách Trung ương (vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp)..
 - + Nguồn ngân sách địa phương (vốn đối ứng: vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp).
 - + Vốn lồng ghép.
 - + Nguồn tín dụng trực tiếp cho các dự án, hoạt động của Chương trình.
 - + Nguồn huy động doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.
 - + Đóng góp của người dân, cộng đồng.
- Tình hình giải ngân, kết quả thực hiện các nguồn vốn so với kế hoạch.
- Kết quả thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù.
- Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có).
- Đánh giá chung về công tác huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực; những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân.

(Kèm theo tổng hợp số liệu theo Phụ lục số 03 về huy động, phân bổ và thực hiện nguồn lực).

6. Đánh giá chung

6.1. Kết quả nổi bật đã đạt được

6.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu, các chỉ tiêu chủ yếu dự kiến/phần đầu đạt được

2. Các giải pháp chủ yếu, nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện

- Giải pháp, nhiệm vụ về chỉ đạo điều hành, ban hành và triển khai cơ chế chính sách, hướng dẫn thực hiện.
- Giải pháp, nhiệm vụ về cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình.
- Giải pháp, nhiệm vụ về đẩy mạnh, đảm bảo hiệu quả cơ chế phân cấp quản lý, trao quyền cho địa phương và người dân thực hiện Chương trình.
- Giải pháp, nhiệm vụ về bố trí, huy động, phân bổ, sử dụng, lồng ghép nguồn lực.
- Giải pháp, nhiệm vụ về lập kế hoạch, giao kế hoạch thực hiện Chương trình.

- Giải pháp, nhiệm vụ về quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, triển khai hoạt động, giải ngân, thanh quyết toán các dự án, hoạt động thuộc Chương trình
- Giải pháp, nhiệm vụ về thông tin, truyền thông, vận động.
- Giải pháp, nhiệm vụ về nâng cao năng lực cho các chủ đầu tư, cán bộ các cấp, cộng đồng, người dân.
- Giải pháp, nhiệm vụ về lồng ghép giới, thúc đẩy bình đẳng giới.
- Giải pháp, nhiệm vụ về theo dõi, kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình.
- Các giải pháp chủ yếu, nhiệm vụ trọng tâm khác.

3. Dự kiến huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất, kiến nghị với các cơ quan, các cấp địa phương

2. Đề xuất, kiến nghị với các cơ quan Trung ương

IV. PHỤ LỤC BÁO CÁO

Tổng hợp số liệu theo kỳ báo cáo trong Phụ lục số 01 về các chỉ số kết quả chủ yếu; các Biểu từ số 1 đến số 9 của các dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của Chương trình thuộc phạm vi quản lý và trách nhiệm báo cáo trong Phụ lục số 02 và Phụ lục số 03 về bố trí, huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực.

Nơi nhận: ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 05

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN

Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số /HD-BCA ngày tháng năm 2025 của Bộ Công an)

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC

....., ngày...tháng...năm....

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN

Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030

Kỳ báo cáo: Giữa kỳ/Kết thúc giai đoạn 5 năm 2026-2030

I. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC PHÒNG, CHỐNG MA TÚY ĐẾN NĂM 2030

1. Đánh giá công tác quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình:

- Đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành, điều phối, phối hợp, tổ chức thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành
- Đánh giá việc xây dựng, ban hành và triển khai các cơ chế, chính sách, hướng dẫn thực hiện Chương trình ở các cấp (mức độ đầy đủ, kịp thời, phù hợp điều kiện địa phương...)
- Đánh giá cách thức tổ chức, quản lý thực hiện Chương trình về: hệ thống tổ chức, nhân lực, bộ máy, trang thiết bị, chế độ chính sách, nâng cao năng lực, truyền thông, thông tin, giám sát và đánh giá, lồng ghép giới/thúc đẩy bình đẳng giới...

2. Đánh giá kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực thực hiện Chương trình:

- Đánh giá về kết quả huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực thực hiện Chương trình: nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương (vốn đối ứng), vốn lồng ghép, vốn tín dụng, vốn huy động doanh nghiệp/tổ chức/cá nhân, vốn đóng góp của người dân và cộng đồng.

(Kèm theo Phụ lục số 03, cập nhật số liệu đến kỳ báo cáo).

- Đánh giá về cơ chế, chính sách, giải pháp bố trí và phân bổ vốn, lồng ghép vốn thực hiện Chương trình.

- Đánh giá về cơ chế quản lý tài chính, thanh quyết toán các dự án, tiểu dự án, hoạt động thuộc Chương trình.

3. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình:

- Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình so với các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thuộc phạm vi quản lý và trách nhiệm báo cáo của cơ quan báo cáo.

(Kèm theo số liệu đến kỳ báo cáo tại Phụ lục số 01 về các chỉ số kết quả chủ yếu thuộc phạm vi quản lý và trách nhiệm báo cáo).

- Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu cụ thể, các kết quả, đầu ra chủ yếu của các dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của Chương trình thuộc phạm vi quản lý của cơ quan báo cáo.

(cập nhật số liệu đến kỳ báo cáo theo các Biểu tương ứng từ số 01 đến số 9 của Phụ lục số 02).

- Đánh giá các điển hình tiên tiến, mô hình hiệu quả, cách làm hay trong thực hiện Chương trình.

4. Đánh giá tác động và hiệu quả đầu tư của Chương trình:

- Đánh giá tác động kinh tế - xã hội của Chương trình

- Đánh giá tác động về môi trường, sinh thái của Chương trình

- Đánh giá hiệu quả đầu tư, tính bền vững của Chương trình

- Đánh giá tác động đến các nhóm đối tượng thụ hưởng: người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy, người bị quản lý sau cai, gia đình người nghiện ma túy, người có hành vi vi phạm pháp luật về ma túy...

- Đánh giá về công tác lồng ghép giới, thực hiện bình đẳng giới trong Chương trình.

- Đánh giá về sự tham gia của người dân, các đối tượng hưởng lợi.

- Đánh giá sự hài lòng của người dân, các đối tượng hưởng lợi đối với Chương trình.

5. Đánh giá chung

5.1. Kết quả nổi bật đã đạt được

5.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

5.3. Bài học kinh nghiệm

- Bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành, và quản lý Chương trình

- Bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình.

II. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị điều chỉnh mục tiêu và thiết kế

- Đề xuất về điều chỉnh, hoàn thiện nội dung các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình, về: mục tiêu, phạm vi, đối tượng thụ hưởng, các hoạt động, các đầu ra, cơ chế thực hiện, định mức, ngân sách, phân công quản lý và thực hiện...

2. Đề xuất về cơ chế huy động, bố trí và sử dụng vốn

- Đề xuất về cơ chế, chính sách, giải pháp bố trí và phân bổ vốn, lồng ghép vốn đảm bảo đầy đủ và kịp thời cho thực hiện Chương trình

- Đề xuất về cơ chế quản lý tài chính, thanh quyết toán phù hợp để thúc đẩy tiến độ và đảm bảo kết quả, hiệu quả thực hiện Chương trình

3. Đề xuất về chỉ đạo, điều hành và quản lý Chương trình

- Đề xuất hoàn thiện cơ chế chỉ đạo, điều hành, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị ở các cấp trong triển khai thực hiện Chương trình

- Đề xuất hoàn thiện cách thức tổ chức, quản lý thực hiện Chương trình về: hệ thống tổ chức, nhân lực, bộ máy, trang thiết bị, chế độ chính sách, nâng cao năng lực, truyền thông, thông tin, giám sát và đánh giá, lồng ghép giới/thúc đẩy bình đẳng giới...

- Đề xuất khen thưởng các địa phương, các cơ quan, đơn vị, cá nhân đạt kết quả xuất sắc trong tổ chức thực hiện Chương trình; các mô hình hiệu quả, cách làm hay cần nhân rộng.

- Đề xuất khác nhằm duy trì, củng cố, phát huy các kết quả đã đạt được của Chương trình, các biện pháp nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực về xã hội, môi trường, sinh thái... (nếu có).

III. PHỤ LỤC BÁO CÁO

Phụ lục số 01; các Biểu từ số 01 đến số 9 của Phụ lục 02 và Phụ lục số 03 (cập nhật số liệu đến kỳ báo cáo).

Nơi nhận:

-

-

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(ký tên, đóng dấu)